

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2021/HS-ST

Ngày: 31/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc Lan.

2. Ông Khúc Tuấn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh năm 1982; HKTT: Khu phố Trịnh X, phường Châu K, thị xã TS, tỉnh BN; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Trần Thị Q, sinh năm 1986 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Khương T, xã Thanh K, huyện Thuận Th, tỉnh BN. Vắng mặt.

2. Chị Hà Thị H, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Mẫn X, xã Long C, Yên P, tỉnh BN. Vắng mặt.

3. Chị Phan Thị Thúy Đ, sinh năm 1985; trú tại: Khu phố Trịnh X, phường Châu K, thị xã TS, tỉnh BN. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Trần Thanh Q, sinh năm 1986; trú tại: Khu phố Trịnh X, phường Châu K, thị xã TS, tỉnh BN. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Chị Huỳnh Thị Ngọc Ph, sinh năm 1992; trú tại: Ấp 3, xã Tân Thanh T, huyện Củ C, thành phố H. Vắng mặt.

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1992. Vắng mặt.

3. Anh Trần Thanh Nh, sinh năm 1991. Vắng mặt.

4. Chị Trần Thị C, sinh năm 1990. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Thế Ch, sinh năm 1979. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Huy S, sinh năm 1994. Vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Khu phố Trịnh X, phường Châu K, thị xã TS, tỉnh BN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại T (viết tắt là Công ty T), có trụ sở tại Khu phố Trịnh X, phường Châu K, thị xã TS, tỉnh BN được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh BN cấp giấy phép kinh doanh lần đầu ngày 08/01/2018; Ngành nghề kinh doanh chủ yếu các mặt hàng về sắt, thép, nhôm, inox và phôi thép các loại. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật là Lê Thanh T, sinh năm 1982; trú tại: Khu phố Trịnh X, phường Châu K, thị xã TS, tỉnh BN.

Khoảng tháng 3/2018, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Lê Thanh T thấy có nhiều người hỏi mua khổng hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT), không hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Thấy vậy, Tuấn đã nảy sinh lòng tham và thông qua bạn bè xã hội, Tuấn đã liên hệ với một người đàn ông khoảng 35 tuổi tự giới thiệu là nhân viên của Công ty TNHH Ba Lan Việt Nam (viết tắt là Công ty Ba Lan) có địa chỉ tại số nhà 22, ngõ 102 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Đến tháng 5/2018, Tuấn tiếp tục liên hệ với một người phụ nữ tự giới thiệu là nhân viên của Công ty TNHH đầu tư và phát triển Phú Minh An (viết tắt là Công ty Phú Minh An) có địa chỉ tại số 7, ngõ 158 phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố

Hà Nội để hỏi mua không hóa đơn GTGT. Qua trao đổi, Tuấn và những người ở 02 công ty này đều thống nhất với nhau về giá mua bán hóa đơn là 1,8% trên tổng giá trị tiền hàng chưa thuế.

Sau khi thỏa thuận được với người bán hóa đơn, Tuấn đã giao dịch, trao đổi với một người phụ nữ tên là Hằng và 02 người đàn ông không quen biết nhiều lần đến Công ty T gặp Tuấn hỏi mua không hóa đơn GTGT, Tuấn đã thỏa thuận với những người này giá bán hóa đơn là 2% trên tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Từ tháng 3/2018 đến tháng 12/2018, Tuấn đã sử dụng 58 số hóa đơn của Công ty T xuất bán không, không có hàng hóa kèm theo cho những người này về 03 Công ty với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là **69.145.877.124 đồng**, tiền thuế là 6.914.587.712 đồng, thu lợi được số tiền là **1.382.917.542 đồng** ($2\% \times 69.145.877.124$ đồng), trong đó:

- Công ty TNHH sản xuất và thương mại M (viết tắt là Công ty M) có địa chỉ tại Thôn Khương T, xã Thanh K, huyện Thuận Th, tỉnh BN, do Chị Phạm Thị M làm giám đốc là **24 số hóa đơn GTGT** có ký hiệu PL/18P gồm các số: 01 ngày 21/3/2018, 02 ngày 22/3/2018, 03 ngày 23/3/2018, 04 ngày 24/3/2018, 05 ngày 25/3/2018, 07 ngày 01/4/2018, 020 ngày 07/5/2018, 024 ngày 10/5/2018, 025 ngày 12/5/2018, 026 ngày 13/5/2018, 0141 ngày 01/9/2018, 0150 ngày 04/9/2018, 0179 ngày 01/10/2018, 0184 ngày 06/10/2018, 0191 ngày 14/10/2018, 0204 ngày 01/01/2018, 0215 ngày 04/11/2018, 0217 ngày 05/11/2018, 0222 ngày 10/11/2018, 0247 ngày 03/12/2018, 0255 ngày 04/12/2018, 0273 ngày 23/12/2018, 0276 ngày 024/12/2018. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là **8.860.296.824 đồng**, tiền thuế là 886.029.682 đồng.

- Công ty TNHH Nhôm P (viết tắt là Công ty P) có địa chỉ tại thôn Mẫn Xá, xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh BN, do Hà Thị H làm giám đốc là **26 số hóa đơn GTGT** có ký hiệu PL/18P gồm các số: 0036 ngày 10/6/2018, 0039 ngày 1/6/2018, 0041 ngày 12/6/2018, 0042 ngày 13/6/2018, 0046 ngày 14/6/2018, 0048 ngày 15/6/2018, 0050 ngày 16/6/2018, 0052 ngày 16/6/2018, 0053 ngày 18/6/2018, 0054 ngày 18/6/2018, 0055 ngày 01/7/2018, 0057 ngày 02/7/2018, 0059 ngày 03/7/2018, 0061 ngày 04/7/2018, 0065 ngày 06/7/2018, 0067 ngày 07/7/2018, 0096 ngày 01/8/2018, 0098 ngày 02/8/2018, 0100 ngày 03/8/2018, 0102 ngày 04/8/2018, 0105 ngày 05/8/2018, 0108 ngày 05/8/2018,

0108 ngày 06/8/2018, 0111 ngày 07/8/2018, 0143 ngày 02/9/2018, 0145 ngày 03/9/2018. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên 26 số hóa đơn là **50.599.500.000 đồng**, tiền thuế là 5.059.950.000 đồng.

- Công ty TNHH thép Phát Tài (viết tắt là Công ty Phát Tài) có địa chỉ trụ sở tại khu phố Đồng Phúc, phường Châu K, thị xã T, tỉnh BN, do Phan Thị Thúy Đ làm giám đốc là **08 số hóa đơn** GTGT có ký hiệu PL/18P gồm các số: 056 ngày 01/7/2018, 058 ngày 02/7/2018, 060 ngày 03/7/2018, 066 ngày 06/7/2018, 068 ngày 07/7/2018, 072 ngày 09/7/2018, 073 ngày 09/7/2018, 075 ngày 11/7/2018. Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là **9.686.080.300 đồng**, tiền thuế là 968.608.030 đồng.

Để hợp thức hóa giá trị hàng hóa bán ra, hàng tháng Tuấn tự cân đối và lập bảng kê gửi cho Công ty Ba Lan và Công ty Phú Minh An để mua hóa đơn đầu vào. Từ tháng 03/2018 đến tháng 12/2018, Tuấn đã mua tổng số **50 số hóa đơn** GTGT có tổng giá trị tiền hàng chưa thuế là **68.928.223.361 đồng**, tiền thuế là 6.892.822.336 đồng, số tiền Tuấn phải trả khi mua 50 số hóa đơn của 02 Công ty trên là **1.240.708.020 đồng** ($68.928.223.361 \times 1,8\%$), cụ thể:

- Công ty Ba Lan gồm 05 hóa đơn các số: 0252 ngày 20/3/2018, 0255 ngày 21/3/2018, 0258 ngày 22/3/2018, 0262 ngày 23/3/2018, 0265 ngày 24/3/2018. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là **2.165.386.001 đồng**, tiền thuế là 216.538.600 đồng.

- Công ty Phú Minh An gồm 45 hóa đơn các số: 019 ngày 07/5/2018, 023 ngày 08/5/2018, 028 ngày 10/5/2018, 035 ngày 12/5/2018, 036 ngày 13/5/2018, 041 ngày 14/5/2018, 099 ngày 02/6/2018, 0100 ngày 02/6/2018, 0101 ngày 03/6/2018, 0103 ngày 02/6/2018, 0109 ngày 04/6/2018, 0116 ngày 05/6/2018, 0118 ngày 05/6/2018, 0122 ngày 06/6/2018, 0124 ngày 06/6/2018, 0127 ngày 07/6/2018, 0131 ngày 07/6/2018, 0135 ngày 08/6/2018, 0136 ngày 08/6/2018, 0139 ngày 09/6/2018, 0144 ngày 10/6/2018, 0145 ngày 10/6/2018, 0150 ngày 11/6/2018, 0153 ngày 11/6/2018, 0158 ngày 12/6/2018, 0161 ngày 13/6/2018, 0167 ngày 15/6/2018, 0173 ngày 16/6/2018, 0175 ngày 17/6/2018, 0179 ngày 18/6/2018, 0271 ngày 01/8/2018, 0273 ngày 01/8/2018, 0275 ngày 02/8/2018, 0277 ngày 02/8/2018, 0278 ngày 03/8/2018, 0279 ngày 03/8/2018, 0281 ngày 04/8/2018, 0282 ngày 04/8/2018, 0283 ngày 05/8/2018, 0286 ngày 06/8/2018,

0287 ngày 07/8/2018, 088 ngày 08/8/2018, 0300 ngày 13/8/2018, 0301 ngày 14/8/2018. Tổng giá trị tiền hàng trước thuế là **66.762.837.360 đồng**, tiền thuế là 6.676.283.736 đồng.

Để thanh toán tiền mua bán hàng hóa của Công ty T, Tuấn đã mở các tài khoản tại các Ngân hàng có chi nhánh ở Từ Sơn, trong đó số tài khoản 43310000370230 là của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam; Số tài khoản 19001011616675 là của Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) và số 2603201011933 là của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank).

Theo quy định đối với các số hóa đơn có giá trị tiền hàng trên 20 triệu đồng thì việc thanh toán phải thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Để hợp thức hóa chứng từ thanh toán các hóa đơn không mua vào và bán ra, Tuấn đã sử dụng các tài khoản ở các Ngân hàng nêu trên để chuyển tiền trả cho các đơn vị bán hàng. Khi mua bán hóa đơn, các bên cung cấp hóa đơn không phải cung cấp kèm theo hợp đồng kinh tế, giấy giới thiệu không, giấy rút tiền mặt không được ký tên đóng dấu của đơn vị bán hàng. Sau khi mua hoặc bán được hóa đơn, Tuấn đưa các giấy tờ này cho chị Nguyễn Trần Thị Quý (vợ Tuấn) là Kế toán trưởng mang ra ngân hàng để thực hiện chuyển tiền và rút tiền theo yêu cầu của Tuấn. Tuy nhiên, mọi hoạt động mua bán hàng hóa của Công ty T đều do một mình Tuấn thực hiện và Tuấn không nói cho chị Quý biết mục đích của Tuấn là hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn không. Khi chị Quý hỏi *“Tại sao khi chuyển tiền cho khách hàng anh lại bảo rút ra ngay”* thì Tuấn nói là *“do trước đó Tuấn đã chuyển tiền mặt cho khách hàng, việc Tuấn chuyển tiền qua ngân hàng chỉ là để cho đúng thủ tục giao dịch, như thế hóa đơn mới có giá trị”*. Vì tin tưởng chồng nên chị Quý đã thực hiện theo chỉ đạo của Tuấn. Sau khi thực hiện xong thì chị Quý mang tiền về đưa cho Tuấn. Ngoài ra, Tuấn còn nhờ một số người quen nộp, rút tiền cho Tuấn khi gặp nhau ở ngân hàng, với lý do không mang chứng minh thư nhưng Tuấn không nói cho những người này biết việc mua bán hóa đơn.

Để làm các thủ tục kê khai báo cáo thuế, Lê Thanh T thuê chị Trần Thị Nhung, sinh năm 1986 (không rõ địa chỉ ở đâu và không liên hệ được) làm kế toán thuế cho Công ty T. Trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ do Tuấn cung cấp, chị Nhung có trách nhiệm tập hợp các chứng từ gồm: phiếu nhập kho, phiếu

xuất kho, hóa đơn GTGT đầu ra và đầu vào để cân đối để kê khai báo cáo thuế tại Chi cục thuế khu vực Từ Sơn - Yên Phong. Tuy nhiên, Tuấn không nói cho chị Nhung biết việc Tuấn mua bán hóa đơn.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh các Công ty mua và bán hóa đơn không với Công ty T đã xác định như sau:

**** Đối với Công ty bán hóa đơn cho Công ty T:***

- Công ty Ba Lan và Công ty Phú Minh An đã xác định: Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Ba Lan là Nguyễn Thu Hằng, sinh năm 1990; trú tại: P201, nhà B2b, khu tập thể Trại Găng, ngõ Trại Găng, đường Thanh Nhân, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Giám đốc, người đại diện pháp luật của Công ty Phú Minh An là Huỳnh Thị Ngọc Ph, sinh năm 1992, HKTT: Ấp 3, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, cả 02 Công ty đều không hoạt động ở địa chỉ trên, hiện tại Hằng không có mặt ở địa phương, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết còn chị Phượng khai nhận chị không thành lập Công ty và không biết gì về Công ty Phú Minh An.

**** Đối với Công ty mua hóa đơn của Công ty T:***

- Công ty TNHH sản xuất và thương mại M do Chị Phạm Thị M làm giám đốc. Theo chị Mai khai nhận: Việc mua bán hàng hóa với Công ty T là mua bán hàng hóa có thật. Tuy nhiên, Mai không nhớ mua cụ thể của người nào, chỉ nhớ người đó tên là Hoa khoảng 36 tuổi, giới thiệu là nhân viên của Công ty T. Khi Hoa cho người chuyển hàng đến trụ sở Công ty M thì do Mai hoặc nhân viên của chị Mai trực tiếp nhận hàng. Sau khi nhận hàng hóa thì người giao hàng có giao hóa đơn và các chứng từ kèm theo. Sau khi kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa khớp hóa đơn và chứng từ thì Mai thanh toán trả tiền hàng cho đơn vị bán hàng qua tài khoản của Công ty tại ngân hàng.

- Công ty TNHH nhôm P do Chị Hà Thị H làm giám đốc, theo chị Huệ khai nhận: Công ty P giao dịch mua bán với Công ty T là giao dịch mua bán hàng hóa có thật. Các giao dịch này chị Huệ đều trực tiếp liên hệ với người đàn ông tên Hải tự giới thiệu là nhân viên của Công ty T. Khi cần số lượng, chủng loại như thế nào thì Huệ sẽ trực tiếp gọi cho Hải để đặt hàng. Sau khi nhận hàng

hóa thì người giao hàng có giao kèm theo các hóa đơn, chứng từ. Sau khi nhận được hàng hóa cùng với hóa đơn và chứng từ thì Huệ thanh toán tiền hàng cho Công ty T thông qua tài khoản ngân hàng của Công ty. Đến nay, chị Huệ không biết Hải ở đâu và cũng không còn lưu số điện thoại của Hải.

- Công ty TNHH thép Phát Tài do chị Phan Thị Thúy Đ làm giám đốc, theo chị Đạt khai nhận: Công ty Phát Tài giao dịch mua bán hàng hóa có thật với Công ty T, các lần giao nhận hàng hóa đều do Đạt trực tiếp đứng ra thực hiện. Tuy nhiên, khoảng đầu tháng 7/2018 chị Đạt đi công tác dài ngày nên đã giao lại việc điều hành hoạt động cho nhân viên của mình là chị Huệ nhưng hiện nay Huệ ở đâu, làm gì thì chị Đạt cũng không biết. Sau khi nhận được hàng hóa cùng hóa đơn và các chứng từ thì Đạt chuyển trả tiền hàng cho Công ty T.

Ngoài ra, Công ty T còn sử dụng hóa đơn của 14 đơn vị bán hàng, cụ thể: Công ty TNHH Glomoda Việt Nam; Công ty TNHH An Bình An Phát Triển; Công ty TNHH phát triển thương mại dịch vụ Đỗ Thái; Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh thương mại Thành Đô; Công ty TNHH TiMi Việt Nam; Công ty TNHH sản xuất đầu tư thương mại Hoàng Gia Việt Nam; Công ty TNHH Kim Nam Ân; Công ty TNHH HIC Hoàng Kim; Công ty TNHH MTV Vượng Minh Phát; Công ty TNHH MTV Phú Cường PT; Công ty TNHH MTV thương mại Quang Tỏ; Công ty TNHH thương mại tổng hợp Visich. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đã xác định các công ty trên đã tạm ngừng hoạt động, không treo biển hiệu, hay không có hoạt động gì tại địa chỉ của công ty. Cơ quan điều tra đã triệu tập và làm việc với giám đốc của các công ty này đều khai nhận không đứng ra thành lập công ty, không biết gì về hoạt động của công ty này hoặc không có mặt tại địa phương, hiện đi đâu làm gì chính quyền địa phương không rõ.

Tuy nhiên, theo Lê Thanh T khai nhận: Tuấn có giao dịch mua bán hàng hóa có thật, mặt hàng chủ yếu là nhôm, sắt, phế liệu sắt và các mặt hàng về sắt với 14 Công ty trên, nhưng đến nay Tuấn không nhớ mua cụ thể của người nào. Khi các đơn vị bán hàng chuyển hàng đến trụ sở Công ty T thì do Tuấn hoặc nhân viên của Tuấn trực tiếp nhận hàng. Sau khi nhận hàng hóa thì người giao hàng có giao hóa đơn và các chứng từ kèm theo. Sau khi kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa khớp với hóa đơn chứng từ thì Tuấn thanh toán trả tiền hàng cho các đơn vị Công ty trên theo hình thức chuyển khoản qua ngân hàng.

Như vậy, tổng số tiền Tuấn được hưởng lợi từ việc mua 50 số hóa đơn và bán 58 số hóa đơn là **142.209.522 đồng** (1.382.917.542đ - 1.240.708.020đ). Đến nay, Tuấn đã nộp số tiền 142.500.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Ngày 16/06/2020, Lê Thanh T đã đến Cơ quan công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, tại Bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN đã truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận, trên thực tế bị cáo có giao dịch mua bán hàng hóa đối với các mặt hàng là nhôm, sắt, phế liệu sắt... với các Công ty khác. Quá trình kinh doanh, do nhận thức pháp luật của bị cáo còn nhiều hạn chế, do muốn giữ mối làm ăn nên bị cáo đã mua không 50 số hóa đơn GTGT của Công ty Ba Lan và Công ty Phú Minh An với giá 1,8% trên tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn và xuất không 58 số hóa đơn GTGT cho Công ty M, Công ty P và Công ty thép Phát Tài với giá 2% trên tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Bị cáo được hưởng lợi số tiền hơn 142 triệu đồng từ việc mua bán không hóa đơn GTGT. Đến nay bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đầu thú và tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi đánh giá nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 142.209.522đ bị cáo Tuấn đã tự nguyện nộp trong quá trình điều tra.

Bị cáo Lê Thanh T không tham gia tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát chỉ đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tuấn đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 8/2018, Lê Thanh T là Giám đốc Công ty T đã có hành vi mua khống 50 số hóa đơn GTGT của Công ty Ba Lan và Công ty Phú Minh An đã ghi đầy đủ nội dung nhưng không có hàng hóa kèm theo, tổng giá trị tiền hàng chưa thuế trên hóa đơn là 68.928.223.361 đồng với giá là 1,8% bằng **1.201.731.073 đồng**. Sau đó, Tuấn sử dụng 58 số hóa đơn của Công ty T xuất bán khống cho Công ty M 24 số hóa đơn, Công ty P 26 số hóa đơn và Công ty Phát Tài 08 số hóa đơn, tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 69.145.877.124 đồng với giá là 2% bằng **1.382.917.542 đồng**. Số tiền Tuấn được hưởng lợi là **142.209.522 đồng**. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN truy tố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về tài chính, kinh tế, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do hám lợi nên bị cáo Tuấn đã mua bán hóa đơn GTGT khống, tiếp tay cho các công ty làm ăn phi pháp, trốn thuế của Nhà nước. Do vậy cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX nhận thấy: Bị cáo Tuấn không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã có ý thức ra đầu thú; tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả; từ giai đoạn điều tra đến phiên tòa hôm nay, luôn tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ lại có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, HĐXX xét thấy: Bị cáo có đủ điều kiện được

hưởng án treo, không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Thanh T thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lời bất chính 142.209.522 đồng của bị cáo Tuấn, xác nhận bị cáo đã nộp 142.500.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh BN, còn lại 290.478 đồng trả lại cho bị cáo nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Thanh T cho UBND phường Châu K, thị xã T, tỉnh BN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 142.209.522 đồng (Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 142.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001458 ngày 4/2/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh BN).

- Trả lại bị cáo số tiền 290.478 đồng nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao; VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh BN;
- CQCSĐT (PC 02)- Công an tỉnh BN;
- Phòng PC 10; PV 06 Công an tỉnh BN;
- Cục THADS tỉnh BN;
- Các bị cáo; người tham gia tố tụng;
- UBND phường Châu Khê;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa